

KẾ HOẠCH
Kiểm soát nhiễm khuẩn tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025 - 2030

Thực hiện Quyết định số 38/QĐ-BYT ngày 03/01/2025 của Bộ Y tế về việc phê duyệt “Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2025-2030”;

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch Kiểm soát nhiễm khuẩn tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025 – 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn (KSNK) trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (KBCB) trên địa bàn tỉnh nhằm tăng cường chất lượng KBCB, bảo đảm an toàn cho người bệnh, nhân viên y tế và cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể và các chỉ số đánh giá

2.1. Tăng cường năng lực hệ thống quản lý và chính sách về kiểm soát nhiễm khuẩn

- Thành lập Hội đồng chuyên môn tư vấn công tác KSNK của Sở Y tế.
- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp cơ bản và cấp chuyên sâu có xây dựng, ban hành Kế hoạch về KSNK của đơn vị phù hợp với Kế hoạch về KSNK của tỉnh, nguồn lực, thực trạng của đơn vị; và hằng năm định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch KSNK.
- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có hội đồng, mạng lưới, khoa/bộ phận KSNK hoạt động thường xuyên, hiệu quả.
- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có bộ phận giám sát KSNK có đủ nhân lực được đào tạo và hoạt động thường xuyên, hiệu quả.
- Hoạt động KSNK được tích hợp ít nhất vào các chương trình y tế như phòng chống kháng thuốc, an toàn người bệnh, phòng ngừa bệnh truyền nhiễm, phòng chống bệnh dịch, tiêm chủng và an ninh, an toàn sinh học.

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có quy định cụ thể, giao trách nhiệm rõ ràng và tổ chức thực hiện hiệu quả về phối hợp đa ngành trong phòng chống kháng thuốc, sử dụng kháng sinh và phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm gây dịch.

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản phê duyệt rõ kinh phí thường niên cho các hoạt động KSNK.

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cập nhật hằng năm và triển khai hiệu quả các quy định, quy trình KSNK phù hợp với hướng dẫn quốc gia, quy mô và chuyên môn của cơ sở.

2.2. Nâng cao nhận thức và năng lực nhân viên y tế về kiểm soát nhiễm khuẩn

- Đạt ít nhất 90% các vị trí chuyên trách KSNK và các thành viên hội đồng, mạng lưới KSNK được đào tạo về KSNK theo quy định.

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện chương trình truyền thông, giáo dục về phòng ngừa KSNK trên các phương tiện (trang web, poster, tờ rơi, ...) phù hợp với điều kiện và đặc điểm địa phương, chuyên môn của cơ sở.

- Đạt ít nhất 80% trang web của cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có chuyên mục cho KSNK, với nội dung được cập nhật hằng quý, mỗi năm xây dựng ít nhất một poster mới để tuyên truyền.

- Đạt ít nhất 95% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản phát động chiến dịch vệ sinh tay hằng năm để tuyên truyền về vai trò của vệ sinh tay trong chăm sóc và điều trị người bệnh.

2.3. Cải thiện cơ sở hạ tầng và thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn

- Đạt được ít nhất 90% cơ sở KBCB có hệ thống cung cấp nước sạch đạt chuẩn.

- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có đơn vị tiệt khuẩn tập trung được trang bị đầy đủ máy móc, phương tiện, cơ sở dụng cụ cho khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ tập trung đúng quy định.

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có đủ năng lực giám sát vi sinh vật kháng thuốc, có tổng kết và báo cáo vi sinh vật kháng thuốc hằng quý.

- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thiết lập hệ thống thông khí đầy đủ (tự nhiên hoặc cơ học nếu cần) và định kỳ kiểm tra chất lượng thông khí.

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có ít nhất 01 phòng cách ly có đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị, quy định, quy trình và các điều kiện cần thiết để thực hiện cách ly NB tạm thời tại mọi khoa lâm sàng.

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có khu lưu giữ chất thải đúng quy định.

- Đạt ít nhất 75% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có hệ thống xử lý chất thải lỏng đạt quy chuẩn.

2.4. Giảm thiểu nguy cơ nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế

a) Thực hiện phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa dựa theo đường lây truyền

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành, đào tạo huấn luyện hằng năm và giám sát tuân thủ các quy định, quy trình phòng ngừa chuẩn.

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện phòng ngừa và cách ly người bệnh mắc vi khuẩn đa kháng và các bệnh truyền nhiễm gây dịch đúng quy định.

b) Vệ sinh tay và sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản triển khai chương trình vệ sinh tay hiệu quả bao gồm việc xây dựng chương trình, cung cấp thiết bị và hóa chất vệ sinh tay ở mọi khu vực khám bệnh, chữa bệnh, tổng kết và thông báo số lượng hóa chất vệ sinh tay sử dụng hằng quý, thực hiện giám sát và cải thiện tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế và người chăm sóc (bao gồm cả học viên và thân nhân người bệnh).

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm, trang bị phương tiện và giám sát tuân thủ sử dụng đúng các thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE).

c) Các biện pháp thực hành phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp

- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm và giám sát tuân thủ thực hành phòng ngừa viêm phổi ở người bệnh có thông khí hỗ trợ.

- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có thực hiện đặt đường truyền tĩnh mạch trung tâm thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm và giám sát tuân thủ thực hành phòng ngừa nhiễm khuẩn huyết liên quan đến đường truyền tĩnh mạch trung tâm.

- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có thực hiện đặt thông tiêu thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm và giám sát tuân thủ thực hành phòng ngừa nhiễm khuẩn tiết niệu liên quan đến ống thông tiêu.

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có thực hiện phẫu thuật thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm và giám sát tuân thủ thực hành phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ trong phẫu thuật.

- Đạt ít nhất 50% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm, giám sát tuân thủ thực hành phòng ngừa vi khuẩn đa kháng thuốc.

d) Kiểm soát ô nhiễm môi trường bề mặt tại các khu vực nguy cơ cao

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo và tuân thủ thực hành vệ sinh môi trường bề mặt tại các khu vực nguy cơ cao.

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản tổ chức thực hiện vệ sinh, khử khuẩn các loại môi trường bề mặt; kiểm tra, giám sát chất lượng, hiệu quả vệ sinh, khử khuẩn môi trường bề mặt; báo cáo số lượng hóa chất dùng trong vệ sinh, khử khuẩn môi trường bề mặt hằng quý trong toàn bộ cơ sở.

đ) Khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ, đồ vải và chất thải y tế

- Đạt ít nhất 85% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm và giám sát tuân thủ thực hành xử lý thiết bị, dụng cụ, đồ vải y tế sử dụng lại.

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm và giám sát tuân thủ thực hành xử lý, quản lý chất thải rắn và nước thải y tế.

e) Thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng kiểm soát nhiễm khuẩn

Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản triển khai ít nhất một hoạt động cải tiến chất lượng về KSNK hằng năm ở cấp độ bộ phận hoặc cơ sở. Hoạt động cải tiến chất lượng về KSNK phải được phê duyệt, triển khai, nghiệm thu, đánh giá kết quả theo đúng quy định.

2.5. Tăng cường hệ thống giám sát, báo cáo nhiễm khuẩn bệnh viện và tình hình sử dụng kháng sinh

- Đạt ít nhất 60% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có khoa hồi sức tích cực thực hiện giám sát liên tục và báo cáo dữ liệu giám sát đầy đủ về nhiễm khuẩn phổi, nhiễm khuẩn huyết, nhiễm khuẩn tiết niệu bệnh viện trên hệ thống báo cáo số liệu nhiễm khuẩn bệnh viện quốc gia.

- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có phẫu thuật thực hiện giám sát và báo cáo dữ liệu đầy đủ về nhiễm khuẩn vết mổ trên hệ thống báo cáo số liệu nhiễm khuẩn bệnh viện quốc gia.

- Đạt ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có phẫu thuật thực hiện giám sát và báo cáo dữ liệu đầy đủ về tình hình sử dụng kháng sinh dự phòng ở người bệnh có phẫu thuật.

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có thực hiện giám sát và báo cáo dữ liệu đầy đủ về tình hình sử dụng kháng sinh ở người bệnh nội trú trên hệ thống báo cáo số liệu nhiễm khuẩn bệnh viện quốc gia.

- Đạt ít nhất 50% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có thực hiện giám sát và báo cáo dữ liệu đầy đủ về tác nhân gây nhiễm khuẩn bệnh viện và mức độ kháng thuốc ở người bệnh nội trú trên hệ thống báo cáo số liệu nhiễm khuẩn bệnh viện quốc gia.

2.6. Tăng cường năng lực đáp ứng với bệnh dịch

- Đạt 100% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản xây dựng kế hoạch sẵn sàng đáp ứng với các bệnh dịch hằng năm, triển khai huấn luyện đào tạo và giám sát tuân thủ quy định, quy trình phòng và kiểm soát lây nhiễm các bệnh truyền nhiễm gây dịch hoặc bệnh gây dịch mới nổi, tái nổi cho nhân viên y tế.

- Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản triển khai sàng lọc, phân luồng, phát hiện và cách ly người bệnh nhiễm hoặc nghi ngờ nhiễm các bệnh truyền nhiễm gây dịch hoặc bệnh gây dịch mới nổi, tái nổi theo đúng quy định.

2.7. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và ứng dụng công nghệ trong kiểm soát nhiễm khuẩn

- Đạt ít nhất 50% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thực hiện tối thiểu 01 đề tài nghiên cứu về KSNK hằng năm.

- Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản ứng dụng công nghệ tiên tiến trong giám sát và phòng ngừa nhiễm khuẩn (theo hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền hoặc của đơn vị).

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường năng lực hệ thống quản lý và thực thi các chính sách về KSNK

- Tổ chức triển khai thực hiện các quy định về KSNK tại các cơ sở KBCB theo quy định của Pháp luật hiện hành và Kế hoạch quốc gia về KSNK; định kỳ sơ kết tổng kết kết quả thực hiện.

- Thành lập Hội đồng chuyên môn tư vấn công tác KSNK ngành Y tế.

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch KSNK giai đoạn 2025-2030 và hằng năm tại các cơ sở KBCB cấp cơ bản và cấp chuyên sâu; xác định rõ kinh phí cho từng nội dung hoạt động, phân công bộ phận, cán bộ chịu trách nhiệm chỉ đạo và theo dõi; tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả hằng năm.

- Bổ sung nhân lực và nâng cao năng lực của Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh Gia Lai, đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện, giám sát và hỗ trợ việc thực hiện các hoạt động KSNK tại các cơ sở KBCB trên địa bàn tỉnh.

- Thống nhất nội dung, cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện các hoạt động KSNK trong các chương trình y tế quốc gia như quản lý kháng thuốc, an toàn người bệnh, phòng chống dịch, phòng ngừa bệnh truyền nhiễm gây dịch, tiêm chủng, an toàn nghề nghiệp và an ninh sinh học.

- Tổ chức đánh giá chất lượng KSNK theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Xây dựng, cập nhật, ban hành các quy định, quy trình KSNK dựa trên các quy định pháp luật, các hướng dẫn KSNK của Bộ Y tế, có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các bộ phận liên quan và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao năng lực kiểm soát nhiễm khuẩn của nhân viên y tế

- Tăng cường đào tạo liên tục về KSNK; Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học về nhiễm khuẩn bệnh viện và KSNK, làm bằng chứng để cải thiện chất lượng KSNK và an toàn người bệnh.

- Đào tạo lực lượng chuyên gia, đội ngũ nhân lực phụ trách công tác KSNK.

- Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo E-learning về kiến thức, kỹ năng thực hành KSNK ở nhân viên y tế thuộc các đối tượng khác nhau.

- Tổ chức đào tạo, tự đào tạo, tập huấn thường niên cho nhân viên y tế các khoa lâm sàng, cận lâm sàng về các quy định, quy trình KSNK, phòng ngừa vi khuẩn đa kháng thuốc và các bệnh truyền nhiễm gây dịch.

- Phấn đấu xây dựng Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh Gia Lai thành cơ sở KBCB mẫu về KSNK.

3. Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức của nhân viên y tế và cộng đồng về kiểm soát nhiễm khuẩn

- Tổ chức các chiến dịch về KSNK, tập trung vào vệ sinh tay, sử dụng kháng sinh hợp lý và phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Sử dụng đa dạng các kênh truyền thông để truyền bá, nâng cao nhận thức về KSNK.
- Phổ biến các quy định, quy trình KSNK lên trang Thông tin điện tử của cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản để mọi nhân viên y tế tiếp cận, học tập.
- Lòng ghép phổ biến kiến thức KSNK trong các buổi họp hội đồng người bệnh. Khuyến khích người bệnh và thân nhân người bệnh tham gia vào giám sát thực hành KSNK tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản.
- Xây dựng và phổ biến các posters về phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

4. Tăng cường đầu tư và từng bước chuẩn hóa cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn

- Hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về KSNK để thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị cho hoạt động KSNK.
- Rà soát và nâng cấp hệ thống cung cấp nước sạch, nơi thu gom chất thải rắn tập trung và hệ thống xử lý nước thải y tế tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản nhằm đạt chuẩn theo quy định.
- Rà soát và xây dựng các buồng cách ly đạt chuẩn tại các khoa lâm sàng, các khu vực sàng lọc, cách ly người bệnh nhiễm hoặc nghi ngờ nhiễm các bệnh truyền nhiễm gây dịch tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản.
- Rà soát, cải tạo và đầu tư thiết bị cho trung tâm tiệt khuẩn tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản.
- Cung cấp các nguồn lực bổ sung cho các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản nơi tập trung nhóm nguy cơ cao.

5. Phát triển, vận hành và phát huy hiệu quả hệ thống giám sát KSNK

- Thực hiện báo cáo đầy đủ tại hệ thống giám sát và quản lý dữ liệu KSNK quốc gia.
- Thiết lập và triển khai giám sát tuân thủ thực hành KSNK tại cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản, báo cáo dữ liệu KSNK.
- Thiết lập và triển khai giám sát chủ động, liên tục 4 loại nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp (nhiễm khuẩn vết mổ, nhiễm khuẩn huyết, nhiễm khuẩn tiết niệu,

nhiễm khuẩn phổi) tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản, báo cáo dữ liệu nhiễm khuẩn bệnh viện.

- Thiết lập và triển khai giám sát, phòng ngừa các nhiễm khuẩn bệnh viện do các vi sinh vật đa kháng thuốc tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản, báo cáo dữ liệu theo quy định.

- Thiết lập và triển khai giám sát, phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm gây dịch tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản, báo cáo dữ liệu theo quy định.

- Thiết lập và triển khai giám sát sử dụng kháng sinh dự phòng ở người bệnh phẫu thuật tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản, báo cáo dữ liệu theo quy định.

- Xây dựng, triển khai các đề án cải thiện chất lượng phòng ngừa chuẩn, vệ sinh tay, vệ sinh môi trường bề mặt, khử khuẩn tiết khuẩn dụng cụ tập trung, quản lý chất thải và nhân rộng mô hình tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản.

- Xây dựng, triển khai các đề án cải thiện chất lượng phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ, nhiễm khuẩn phổi, nhiễm khuẩn huyết, nhiễm khuẩn tiết niệu và nhiễm khuẩn bệnh viện do vi khuẩn đa kháng thuốc và nhân rộng mô hình tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản.

- Thực hiện đánh giá chất lượng KSNK hằng năm tại các cơ sở KBCB.

- Phân tích, báo cáo dữ liệu giám sát hằng năm và đưa ra các biện pháp cải tiến kịp thời.

6. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KSNK

- Hỗ trợ, khuyến khích nghiên cứu khoa học về KSNK. Triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về KSNK và nhiễm khuẩn bệnh viện tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản, trong đó có nghiên cứu khoa học về chi phí cho KSNK làm cơ sở tính giá dịch vụ KBCB góp phần thuyết minh cho các cơ quan thẩm quyền và người dân sử dụng các dịch vụ y tế. Khuyến khích thực hiện đề tài nghiên cứu về KSNK cấp Sở Khoa học Công nghệ, cấp Bộ và đề tài được đăng báo quốc tế trên hệ thống ISI, Scopus.

- Tăng cường hợp tác để triển khai thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến đào tạo, nghiên cứu khoa học, cải tiến chất lượng và các hoạt động nhằm tăng cường năng lực quản lý và chuyên môn trong lĩnh vực KSNK.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và cảm biến thông minh trong giám sát KSNK và dự đoán xu hướng nhiễm khuẩn bệnh viện tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản.

- Áp dụng hệ thống khử trùng tự động và các công nghệ hiện đại trong phòng mổ và khu cách ly tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản.

7. Công tác báo cáo

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, theo quy định công tác giám sát, báo cáo nhiễm khuẩn bệnh viện và tình hình sử dụng kháng sinh; báo cáo vi sinh vật kháng thuốc; báo cáo số lượng hóa chất dùng trong vệ sinh, khử khuẩn môi trường bề mặt; báo cáo dữ liệu giám sát đầy đủ về nhiễm khuẩn phổi, nhiễm khuẩn huyết, nhiễm khuẩn tiết niệu bệnh viện, nhiễm khuẩn vết mổ trên hệ thống báo cáo số liệu nhiễm khuẩn bệnh viện quốc gia.

- Các cơ sở KBCB định kỳ báo cáo Sở Y tế kết quả thực hiện Kế hoạch KSNK (trước ngày 15/6 và 15/12 hàng năm). Thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở Y tế. Sử dụng các biểu mẫu báo cáo do Bộ Y tế quy định.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Phòng Nghiệp vụ Y

- Chủ trì tham mưu Sở Y tế tổ chức, điều phối, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan theo dõi tiến độ, tổng hợp kết quả triển khai, tham mưu xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh và đề xuất các biện pháp, giải pháp để nâng cao hiệu quả triển khai Kế hoạch KSNK trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ tham mưu thành lập Hội đồng chuyên môn KSNK ngành y tế.

b) Các phòng chức năng khác thuộc Sở Y tế

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, phối hợp thực hiện các nội dung của kế hoạch; tham mưu chỉ đạo chuyên môn theo từng lĩnh vực quản lý để bảo đảm thực hiện hiệu quả các mục tiêu và giải pháp KSNK trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh

- Căn cứ Kế hoạch quốc gia về KSNK và Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch hành động KSNK tại đơn vị, xác định mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp và nguồn lực cụ thể.

- Kiện toàn, củng cố hệ thống KSNK tại đơn vị, bảo đảm đủ nhân lực chuyên trách về KSNK; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn về KSNK cho nhân viên y tế tại đơn vị.

- Ưu tiên đầu tư nguồn lực cho KSNK và phòng chống bệnh dịch, bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu và tiến độ của Kế hoạch hành động KSNK tại đơn vị.

- Tăng cường đầu tư hạ tầng, thiết bị và công nghệ phục vụ công tác KSNK, phù hợp với quy mô của cơ sở KBCB theo tiêu chuẩn thiết kế và hướng dẫn chuyên môn do Bộ Y tế ban hành. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giám sát, phân tích và phản hồi dữ liệu về nhiễm khuẩn bệnh viện.

- Thực hiện nghiêm các quy trình kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn, tiêu chí chất lượng về KSNK do Bộ Y tế ban hành. Tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, giám sát sử dụng kháng sinh hợp lý và các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn đường máu, tiết niệu, hô hấp, nhiễm khuẩn sau phẫu thuật...

- Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KSNK. Chủ động tranh thủ nguồn lực hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển nhằm triển khai hiệu quả kế hoạch hành động và nâng cao năng lực KSNK tại đơn vị.

3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện các hoạt động KSNK trong các chương trình y tế quốc gia.

Trên đây là Kế hoạch Kiểm soát nhiễm khuẩn tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025 - 2030, yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ sở KBCB tổng hợp, báo cáo Sở Y tế để được hướng dẫn kịp thời. /s/

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- UBND tỉnh;
- Cục QLKCB -BYT;
- Lãnh đạo Sở;
- Các cơ sở KBCB trực thuộc Sở;
- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Các Bệnh viện Cao su trên địa bàn tỉnh;
- Các cơ sở KBCB tư nhân trên địa bàn tỉnh;
- Các phòng, Văn phòng Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Tuyết Nhung

(Handwritten signature)

PHỤ LỤC

Kế hoạch thực hiện Kế hoạch Kiểm soát nhiễm khuẩn tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-SYT ngày tháng 8 năm 2025 của Sở Y tế)

Các hoạt động theo kế hoạch	Khung thời gian						Đơn vị thực hiện	Chỉ số đánh giá
	2025	2026	2027	2028	2029	2030		
1. Tăng cường năng lực hệ thống quản lý và hoàn thiện chính sách về KSNK								
1.1. Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch KSNK và định kỳ sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện	X		X			X	- Các phòng chuyên môn Sở Y tế - Các cơ sở KBCB	- 2027: Sơ kết thực hiện Kế hoạch - 2030: Tổng kết thực hiện Kế hoạch - Hằng năm, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện
1.2. Xây dựng, ban hành Kế hoạch KSNK giai đoạn 2025-2030 và hằng năm tại các cơ sở KBCB cấp cơ bản và cấp chuyên sâu	X						Các cơ sở KBCB	- 2025: 100% đơn vị xây dựng, ban hành Kế hoạch. Kế hoạch xác định rõ kinh phí cho từng nội dung hoạt động, phân công đơn vị, cán bộ chịu trách nhiệm chỉ đạo và theo dõi; tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả hằng năm
1.3. Thành lập Hội đồng chuyên môn tư vấn công tác KSNK của ngành Y tế	X	X					-Các phòng chuyên môn Sở Y tế - Các cơ sở KBCB	- 2026: Thành lập Hội đồng chuyên môn tư vấn công tác KSNK của ngành Y tế

1.4. Bổ sung nhân lực và nâng cao năng lực của đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện, giám sát và hỗ trợ việc thực hiện các hoạt động KSNK tại các cơ sở KBCB cấp cơ bản và cấp chuyên sâu	X	X	X	X	X	X	- Các phòng chuyên môn Sở Y tế - Các cơ sở KBCB	- 2025-2026: Thực hiện bổ sung nhân lực và nâng cao năng lực của đơn vị đầu mối chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện, giám sát KSNK - 2030: Ít nhất 90% cơ sở KBCB có hội đồng, mạng lưới, khoa/bộ phận KSNK hoạt động thường xuyên, hiệu quả; ít nhất 70% cơ sở KBCB có bộ phận giám sát KSNK có đủ nhân lực được đào tạo và hoạt động thường xuyên, hiệu quả
1.5. Thống nhất nội dung, cơ chế phối hợp liên ngành và tổ chức thực hiện các hoạt động KSNK trong các chương trình y tế quốc gia	X	X	X	X	X	X	- Các phòng chuyên môn Sở Y tế - Các cơ sở KBCB -Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	- 2025-2030: Hoạt động KSNK được tích hợp ít nhất vào các chương trình y tế như phòng chống kháng thuốc, an toàn người bệnh, phòng ngừa bệnh truyền nhiễm, phòng chống bệnh dịch, tiêm chủng và an ninh, an toàn sinh học - 2030: Ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản quy định cụ thể, giao trách nhiệm rõ ràng và thực hiện hiệu quả về phối hợp đa ngành trong phòng chống kháng thuốc, sử dụng kháng sinh, phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm gây dịch

1.6. Tổ chức triển khai thực hiện các quy định về KSNK tại cơ sở KBCB		X					- Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế - Các cơ sở KBCB	2026: Các lớp đào tạo, tập huấn quy định về KSNK
1.7. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng KSNK (sau khi được ban hành)		X	X	X	X	X	- Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế - Các cơ sở KBCB	- 2026-2030: Tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng KSNK - Ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản, trên 70% cơ sở KBCB cấp ban đầu tổ chức thực hiện đánh giá chất lượng KSNK hằng năm
1.8. Phổ biến, cập nhật các hướng dẫn quốc gia về KSNK (sau khi được ban hành)	X	X	X	X	X	X	- Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế - Các cơ sở KBCB	Các hội nghị/lớp tập huấn phổ biến các hướng dẫn
1.9. Xây dựng, cập nhật, ban hành các quy định, quy trình KSNK trên cơ sở các quy định, các hướng dẫn quốc gia, có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các bộ phận liên quan và tổ chức triển khai thực hiện	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	2030: ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản ban hành, cập nhật hằng năm và triển khai hiệu quả các quy định, quy trình KSNK
1.10. Huy động nguồn lực cho công tác KSNK	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	Ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản được phê duyệt rõ

								kinh phí thường niên cho các hoạt động KSNK
2. Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao năng lực kiểm soát nhiễm khuẩn của nhân viên y tế								
2.1. Tổ chức đào tạo liên tục về KSNK; Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học về NKBV và KSNK, làm bằng chứng để cải thiện chất lượng KSNK và an toàn NB	X	X	X	X	X	X	- Các phòng chuyên môn Sở Y tế - Các cơ sở KBCB	2025-2030: Các tài liệu đào tạo KSNK, các đề tài NCKH về KSNK được công bố hoặc báo cáo tại các hội nghị, hội thảo
2.2. Đào tạo đội ngũ nhân lực phụ trách công tác KSNK	X	X	X	X	X	X	- Các phòng chuyên môn Sở Y tế - Các cơ sở KBCB	2030: Ít nhất 90% các vị trí chuyên trách KSNK và các thành viên hội đồng, mạng lưới KSNK tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản được đào tạo về KSNK theo quy định
2.3. Tổ chức đào tạo thường niên cho NVYT về các quy định, quy trình KSNK, phòng ngừa vi khuẩn đa kháng thuốc và các bệnh truyền nhiễm gây dịch	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	2030: Ít nhất 95% NVYT tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản được đào tạo liên tục hằng năm về các quy định, quy trình KSNK
3. Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức của NVYT và cộng đồng về KSNK								
3.1. Tổ chức các chiến dịch về KSNK, tập trung	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	Ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cơ bản thực hiện truyền thông,

vào vệ sinh tay, sử dụng kháng sinh hợp lý và phòng ngừa NKBV								giáo dục phòng ngừa KSNK trên mọi phương tiện; ít nhất 95% cơ sở phát động chiến dịch VST hằng năm
3.2. Sử dụng đa dạng các kênh truyền thông để truyền bá, nâng cao nhận thức về KSNK	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	- 2025-2030: Thông tin về KSNK được cập nhật thường xuyên trên trang Thông tin điện tử của các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản. - 2030: Ít nhất 80% trang Thông tin điện tử của cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có chuyên mục cho KSNK, với nội dung được cập nhật hằng quý, mỗi năm xây dựng ít nhất một poster mới
3.3. Phổ biến các quy định, quy trình KSNK lên trang Thông tin điện tử của cơ sở KBCB để tăng tiếp cận đến NVYT	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	Các quy định, quy trình KSNK được tải lên trang Thông tin điện tử của các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản
3.4. Lồng ghép phổ biến kiến thức KSNK trong các buổi họp hội đồng người bệnh. Khuyến khích NB và thân nhân NB tham gia vào giám sát thực hành KSNK	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	Các buổi họp hội đồng NB

3.5. Xây dựng và phổ biến các posters về phòng ngừa và kiểm soát NKBV	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	Các posters về phòng ngừa và kiểm soát NKBV
4. Tăng cường đầu tư và từng bước chuẩn hóa cơ sở hạ tầng, thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn								
4.1. Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về KSNK để thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị cho hoạt động KSNK theo hướng dẫn của Trung ương	X	X	X	X	X	X	- Phòng KHTC, Sở Y tế - Các cơ sở KBCB	- 2025-2030: Các cơ sở KBCB cấp cơ bản và chuyên sâu áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về KSNK trong xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị cho hoạt động KSNK - Ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có hệ thống thông khí đạt chuẩn và định kỳ kiểm tra chất lượng thông khí
4.2. Rà soát và nâng cấp hệ thống cung cấp nước sạch, nơi thu gom chất thải rắn tập trung và hệ thống xử lý nước thải y tế tại các cơ sở KBCB đạt chuẩn	X	X	X	X	X	X	- Phòng KHTC, Sở Y tế - Các cơ sở KBCB - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	2030: Cơ sở KBCB cấp cơ bản và chuyên sâu đạt ít nhất 90% có hệ thống cung cấp nước sạch, khu lưu giữ chất thải đạt chuẩn và 75% có hệ thống xử lý chất thải lỏng đạt chuẩn
4.3. Rà soát và xây dựng các buồng cách ly bệnh truyền nhiễm gây dịch đạt chuẩn tại các khoa lâm sàng, các khu vực sàng lọc	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	2030: Ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp cơ bản và chuyên sâu có ít nhất 01 phòng cách ly tại mọi khoa lâm sàng đạt chuẩn, các khu vực sàng lọc đạt chuẩn

4.4. Rà soát, cải tạo và đầu tư thiết bị cho trung tâm tiết khuẩn tại các cơ sở KBCB	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	2030: Ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp cơ bản và chuyên sâu có đơn vị tiết khuẩn tập trung đúng quy định
4.5. Cung cấp các nguồn lực bổ sung cho các cấp KBCB cơ bản và chuyên sâu nơi tập trung nhóm nguy cơ cao	X	X	X	X	X	X	- Các phòng chuyên môn Sở Y tế - Các cơ sở KBCB	Cơ sở KBCB cấp cơ bản và chuyên sâu, nơi tập trung nhóm nguy cơ cao được bổ sung các nguồn lực

5. Phát triển, vận hành và phát huy hiệu quả hệ thống giám sát kiểm soát nhiễm khuẩn

5.1. Tham gia phát triển, nâng cấp hệ thống giám sát và quản lý dữ liệu KSNK quốc gia	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	2030: Hệ thống giám sát NKBV quốc gia được nâng cấp và mở rộng quản lý dữ liệu
5.2. Thiết lập hệ thống và triển khai giám sát tuân thủ thực hành KSNK tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản và báo cáo dữ liệu	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	- Các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản: + Ít nhất 90% ban hành hướng dẫn, đào tạo hằng năm và giám sát tuân thủ các quy định, quy trình phòng ngừa chuẩn; + Ít nhất 90% triển khai chương trình VST hiệu quả;

								+ Ít nhất 90% thực hiện đầy đủ quy định, quy trình, đào tạo hằng năm, trang bị phương tiện và giám sát sử dụng đúng các thiết bị bảo hộ cá nhân
5.3. Thiết lập và triển khai giám sát chủ động, liên tục 4 loại NKBV thường gặp (NKVM, NKH, NKTN, NKP) tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản và báo cáo dữ liệu NKBV	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	2030: Ít nhất 70% cơ sở KBCB thực hiện đầy đủ các nội dung giám sát tuân thủ thực hành phòng ngừa viêm phổi ở NB có thông khí hỗ trợ; NKH liên quan đến đường truyền tĩnh mạch trung tâm; NKTN liên quan đến ống thông tiểu, NKVM
5.4. Tham gia thiết lập và triển khai giám sát, phòng ngừa các NKBV do các vi sinh vật đa kháng thuốc tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản và báo cáo dữ liệu theo quy định	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	2030: Các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản đạt ít nhất 90% thực hiện phòng ngừa và cách ly NB mắc vi khuẩn đa kháng và các bệnh truyền nhiễm gây dịch đúng quy định; đạt ít nhất 80% có đủ năng lực giám sát vi sinh vật kháng thuốc, có tổng kết và báo cáo hằng quý; đạt ít nhất 50% BV thực hiện đầy đủ các nội dung về ban hành các quy định, quy trình, huấn luyện đào tạo hằng năm, giám sát tuân thủ thực hành phòng ngừa vi khuẩn kháng thuốc

5.5. Thiết lập và triển khai giám sát, phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm gây dịch tại các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản, báo cáo dữ liệu theo quy định	X	X	X	X	X	X	- Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế - Các cơ sở KBCB - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	2030: Các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản đạt 100% xây dựng kế hoạch sẵn sàng đáp ứng với các bệnh dịch hằng năm, triển khai huấn luyện đào tạo và giám sát đúng quy định; ít nhất 90% triển khai sàng lọc, phân luồng, phát hiện và cách ly NB nhiễm hoặc nghi ngờ nhiễm các bệnh truyền nhiễm gây dịch hoặc bệnh gây dịch mới nổi, tái nổi theo đúng quy định
5.6. Triển khai sử dụng kháng sinh dự phòng ở NB phẫu thuật tại các cơ sở KBCB và tổ chức giám sát, báo cáo dữ liệu theo quy định	X	X	X	X	X	X	- Phòng Nghiệp vụ Y, Nghiệp vụ Dược, Sở Y tế - Các cơ sở KBCB	- Báo cáo hằng năm về tình hình sử dụng kháng sinh dự phòng của Sở Y tế - 2030: Ít nhất 70% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản có phẫu thuật thực hiện giám sát và báo cáo dữ liệu tình hình sử dụng kháng sinh dự phòng ở NB có phẫu thuật
5.7. Xây dựng, triển khai các đề án: cải thiện chất lượng phòng ngừa chuẩn, VST, vệ sinh môi trường bề mặt, khử khuẩn tiệt khuẩn dụng cụ tập trung, quản lý chất thải; cải thiện chất lượng phòng ngừa 4 loại NKBV thường	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản triển khai ít nhất một hoạt động cải tiến chất lượng về KSNK hằng năm

gặp, NKBV do vi khuẩn đa kháng thuốc								
5.8. Thực hiện đánh giá chất lượng KSNK hằng năm tại các cơ sở KBCB	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	Đạt ít nhất 90% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu và cấp cơ bản, trên 70% cơ sở KBCB cấp ban đầu tổ chức thực hiện đánh giá chất lượng KSNK hằng năm
5.9. Phân tích, báo cáo dữ liệu giám sát hằng năm và đưa ra các biện pháp cải tiến kịp thời	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	2030: Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB cấp chuyên sâu thực hiện giám sát, sử dụng dữ liệu giám sát để phân tích xu hướng nhiễm khuẩn và đưa ra các biện pháp cải tiến chất lượng KSNK kịp thời
6. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KSNK								
6.1. Tham gia triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về KSNK và NKBV tại các cơ sở KBCB cấp cơ bản và cấp chuyên sâu, trong đó có nghiên cứu khoa học về chi phí cho KSNK làm cơ sở tính giá dịch vụ KBCB	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	2030: - Đạt ít nhất 50% cơ sở KBCB thực hiện tối thiểu 01 đề tài nghiên cứu về KSNK hằng năm. - Đạt ít nhất 80% cơ sở KBCB ứng dụng công nghệ tiên tiến trong giám sát và phòng ngừa nhiễm khuẩn
6.2. Tổ chức các hội nghị thường niên, hội thảo	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	Các hội nghị, hội thảo về KSNK

khoa học chuyên đề KSNK								
6.3. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và cảm biến thông minh trong giám sát KSNK và dự đoán xu hướng NKBV	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	2025-2030: trên 80% cơ sở KBCB cấp cơ bản và cấp chuyên sâu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong giám sát và phòng ngừa NKBV
6.4. Áp dụng hệ thống khử trùng tự động và các công nghệ hiện đại trong phòng mổ và khu cách ly	X	X	X	X	X	X	Các cơ sở KBCB	Các cơ sở KBCB cấp chuyên sâu áp dụng hệ thống khử trùng tự động và các công nghệ hiện đại trong phòng mổ và khu cách ly